

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2000 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4850/TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Phân viện thành phố Hồ Chí Minh thuộc Học viện Ngân hàng.

Điều 2. Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng; trụ sở của Trường đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh có các nhiệm vụ:

1. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học về lĩnh vực tiền tệ - tín dụng và ngân hàng.
2. Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Học viện Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CÁC BỘ

BỘ CÔNG AN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số 584/2003/QĐ-BCA (A11) ngày 25/8/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Thương mại.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 37/1998/NĐ-CP ngày 9/6/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Thương mại gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Các dự án về chính sách thương mại của Bộ Thương mại trình Chính phủ.
2. Số liệu về tổng cung, tổng cầu các mặt hàng trọng yếu của Nhà nước về tài sản, hàng hóa dự trữ của ngành Thương mại chưa công bố.
3. Kế hoạch và biện pháp điều hành xuất nhập khẩu, bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường xã hội chưa công bố.
4. Tài liệu tổng kết, báo cáo thực trạng thị

trường trong nước, buôn bán giữa Việt Nam với nước ngoài và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam chưa công bố.

5. Số liệu khảo sát, nghiên cứu hoạt động thương mại từng khu vực, từng nước, từng doanh nghiệp đối tác của Việt Nam ở nước ngoài và những tin tức thu thập từ nước ngoài phục vụ cho kinh tế - thương mại không công bố hoặc chưa công bố.

6. Các loại chỉ số tổng hợp về giá cả và phương án chỉ đạo về giá, điều chỉnh giá chưa công bố.

7. Lệnh của cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch, phương án kiểm tra vụ việc vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong hoạt động thương mại chưa công bố.

8. Tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân (kể cả người nước ngoài) có dấu hiệu buôn lậu, mua bán hàng giả hoặc vi phạm nghiêm trọng chính sách, pháp luật về quản lý thị trường đang trong quá trình theo dõi, điều tra.

9. Các loại mã khóa dùng trong công tác ứng dụng tin học của ngành Thương mại. Mật danh, mật hiệu dùng trong thông tin, liên lạc và chỉ đạo công tác thuộc lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát thị trường.

10. Phát minh, sáng chế, công trình nghiên cứu khoa học, giải pháp hữu ích và bí quyết nghề nghiệp thuộc lĩnh vực thương mại có giá trị lớn về khoa học, công nghệ chưa công bố.

11. Đơn thư tố cáo, hồ sơ thanh tra các vụ việc đang trong giai đoạn kiểm tra, xác minh hoặc đã kết luận nhưng chưa công bố.

12. Phương án tổ chức bộ máy, điều chuyển, sắp xếp, quy hoạch cán bộ của Bộ Thương mại không công bố hoặc chưa công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Cơ quan chức năng của Bộ Thương mại và Bộ Công an chịu

trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công an

LÊ HỒNG ANH

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 133/2003/QĐ-BCN ngày 19/8/2003 về việc chuyển Công ty Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ thành Công ty cổ phần phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (các Công văn số 697/CV-HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2003 và số 723/CV-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2003), Phương án cổ phần hóa Công ty Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ và Biên bản thẩm định phương án của Ban Đổi mới